

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới tỉnh Bến Tre
giai đoạn 2016 - 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh tại Tờ trình số 102/TTr-VPĐP ngày 16 tháng 5 năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ tiêu chí xã nông thôn mới tỉnh Bến Tre giai đoạn 2016-2020.

1. Bộ tiêu chí là căn cứ để chỉ đạo, điều hành thực hiện xây dựng nông thôn mới và là cơ sở để kiểm tra, đánh giá, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

2. Bộ tiêu chí sẽ được xem xét, điều chỉnh phù hợp với các quy định của Trung ương về nông thôn mới và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong từng thời kỳ.

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố hướng dẫn và triển khai thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1235/QĐ-UBND ngày 18 tháng 7 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Bộ tiêu chí xây dựng nông thôn mới tỉnh Bến Tre./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để thực hiện);
- TT.TU, TT.HĐND (thay báo cáo);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Thành viên BCĐ CTMTQG 2016-2020 tỉnh;
- Chánh, các PCVP UBND tỉnh;
- NC: VHXH, TCĐT, TH, KT, NC;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Cao Văn Trọng



**BỘ TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI TỈNH BẾN TRE
GIAI ĐOẠN 2016-2020**

(Kèm theo Quyết định số 1681/QĐ-UBND tỉnh ngày 26 tháng 7 năm 2017)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
I QUY HOẠCH			
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt và được công bố công khai đúng thời hạn	Đạt
		1.2. Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch	Đạt
II HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI			
2	Giao thông	2.1. Tỷ lệ đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ Giao thông vận tải, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	100%
		2.2. Tỷ lệ đường trục ấp, liên ấp ít nhất được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ Giao thông vận tải, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm.	50%
		2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa	100% (30% nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ Giao thông vận tải)
		2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm	50%

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
3	Thủy lợi	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên	Đạt
		3.2. Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng, chống thiên tai tại chỗ	Đạt
4	Điện	4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn	Đạt
		4.2. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn	≥98%
5	Trường học	Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia	≥70%
6	Cơ sở vật chất văn hóa	6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã	Đạt
		6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định	Đạt
		6.3. Tỷ lệ ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng	100%
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa	Đạt
8	Thông tin và truyền thông	8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính.	Đạt
		8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, internet.	Đạt
		8.3. Xã có Đài Truyền thanh và hệ thống loa đến các ấp.	Đạt
		8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành.	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
9	Nhà ở dân cư	9.1. Nhà tạm, dột nát	Không
		9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định	$\geq 70\%$
III KINH TẾ VÀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT			
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đến năm 2020 (triệu đồng/người)	≥ 50
11	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020	$\leq 4\%$
12	Lao động có việc làm	Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động	$\geq 90\%$
13	Tổ chức sản xuất	13.1. Xã có hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012	Đạt
		13.2. Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững	Đạt
IV VĂN HÓA - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG			
14	Giáo dục và Đào tạo	14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở	Đạt
		14.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp)	$\geq 80\%$
		14.3. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo	$\geq 25\%$
15	Y tế	15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	$\geq 85\%$
		15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	Đạt
		15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	$\leq 20,5\%$

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
16	Văn hóa	Tỷ lệ áp dụng tiêu chuẩn văn hóa theo quy định	$\geq 70\%$
17	Môi trường và an toàn thực phẩm	17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định	$\geq 95\%$ ($\geq 65\%$ nước sạch)
		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	100%
		17.3. Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn	Đạt
		17.4. Nghĩa trang có quy hoạch và việc mai táng phải phù hợp với quy định	Đạt
		17.5. Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định	Đạt
		17.6. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch (sạch nhà, sạch bếp, sạch ngõ)	$\geq 95\%$
		17.7. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường	$\geq 70\%$
		17.8. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	100%

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
V	HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ		
18	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	<p>18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn</p> <p>18.2. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định</p> <p>18.3. Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn "trong sạch, vững mạnh"</p> <p>18.4. Tổ chức chính trị - xã hội của xã đạt loại khá trở lên</p> <p>18.5. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định</p> <p>18.6. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội</p>	<p>Đạt</p> <p>Đạt</p> <p>Đạt</p> <p>100%</p> <p>Đạt</p> <p>Đạt</p>
19	Quốc phòng và An ninh	<p>19.1. Xây dựng lực lượng dân quân "vững mạnh, rộng khắp" và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng</p> <p>19.2. Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiểm chế, giảm liên tục so với các năm trước</p>	<p>Đạt</p> <p>Đạt</p>